

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 8 - 2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T – Sinh năm: 1994 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm X, thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Đội 12, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm X, thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày: Chị và anh Phạm Văn Th tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2015 tại UBND xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù chị và anh Th cùng nhau tìm biện pháp khắc phục nhưng không được. Năm 2019 chị về nhà bố mẹ đẻ tại đội 12, xã B, huyện G ở từ đó chị và anh Th sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Kiều Tr, sinh ngày 13/10/2016 đang ở cùng anh Th. Vì khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con, đến cuối năm 2020 anh Th xuống đón con về chơi, sau đó anh Th không đưa con về cho chị nuôi nữa, chị có lên N đón con thì anh Th và gia đình ngăn cản chửi nạt không có chị gặp con. Vì vậy, khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, hiện nay chị làm nghề kinh doanh bánh ngọt có trụ sở tại xóm 6, xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, thu nhập trung bình mỗi tháng 30 triệu đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Phạm Thị Thu T trình bày là đúng. Chị T bỏ đi từ năm 2019 cũng từ đó vợ chồng anh sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên tuổi như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, vì từ khi chị T bỏ đi anh là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung. Hiện anh làm nghề kinh doanh tự do thu nhập trung bình 20 triệu đồng một tháng đủ điều kiện để nuôi con, nên không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T vắng mặt, anh Th giữ nguyên quan điểm trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Phạm Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Kiều Tr, sinh ngày 13/10/2016 cho anh Phạm Văn Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th là không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí DSST: Chị chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thu T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thu T và anh Phạm Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 04/12/2015, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh Th nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Th không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn Th của chị Phạm Thị Thu T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa chị T và anh Th có 01 con chung là Phạm Kiều Tr, sinh ngày 13/10/2016 đang ở cùng anh Th. Khi ly hôn, chị T và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy: Từ năm 2019 đến nay chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã B, huyện G và đi làm ăn ở địa phương khác, anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ý kiến xác nhận của chính quyền địa phương và Trường mầm non xã Nam Hùng cho thấy anh Th luôn giành những điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung khi chị T vắng nhà. Chị T trình bày năm 2019 vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con đến tháng 10 năm 2020 anh Thắng xuống nhà chị đón con về chơi sau đó không giao con cho chị nuôi nữa, chị về đón thì anh Th và gia đình cản trở không cho đón, nhưng chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xem xét. Hiện nay chị T và anh Th đều làm nghề kinh doanh tự do, có thu nhập ổn định, nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên để đảm bảo ổn

định cho việc sinh hoạt và học tập của con, nên giao con chung là Phạm Kiều Tr cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Phạm Văn Th.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Phạm Kiều Tr, sinh ngày 13/10/2016 cho anh Phạm Văn Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp đã nộp ứng án phí theo Biên lai số 0004620 ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh